TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23 – 7 – 2020
V/v "Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Dân

2. Ông Võ Sĩ Hùng

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Bích Như, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 318/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020 về việc "Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 505/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn:* Bà **Ngô Thị Q**, sinh năm: 1969. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Đường LTK, khóm F, phường G, Tp. C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông **Đặng Thiên D**, sinh năm: 1969. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Đường LTK, khóm F, phường G, Tp. C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bà Ngô Thị Q trình bày quan điểm và xác định yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đặng Thiên D chung sống với nhau vào năm 1991, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống bà và ông D phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau, thường xuyên cự cãi. Mặc dù sống chung nhà nhưng bà và ông D đã ly thân từ cách đây hơn 01 năm. Cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn ông D.

- Về con chung: Có 03 con chung là Đặng Thiên M, sinh ngày 12/10/1992; Đặng Thanh D1, sinh ngày 06/10/1999 và Đặng Thiên P, sinh ngày 01/9/2002. Đối với Đặng Thiên M và Đặng Thanh D1 đã trưởng thành, bà không đặt ra yêu cầu nuôi dưỡng và cấp dưỡng. Đối với Đặng Thiên P, khi ly hôn, bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Q xác định bà và ông D không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà Q xác định bà và ông D không có nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Đặng Thiên D trình bày ý kiến và xác định quan điểm như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Ngô Thị Q chung sống với nhau vào năm 1991, không đăng ký kết hôn. Do ông với bà Q phát sinh mâu thuẫn không hàn gắn được nên ông đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 03 con chung là Đặng Thiên M, sinh ngày 12/10/1992; Đặng Thanh D1, sinh ngày 06/10/1999 và Đặng Thiên P, sinh ngày 01/9/2002. Đối với Đặng Thiên M và Đặng Thanh D1 đã trưởng thành, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với Đặng Thiên P, khi ly hôn, ông đồng ý giao cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Bà Ngô Thị Q và ông Đặng Thiên D chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Nay bà Q xin ly hôn ông D. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Ông D hiện cư trú tại thành phố C nên Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Q và ông Đặng Thiên D tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, quan hệ hôn nhân của bà Q và ông D đã vi phạm về việc đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và Gia đình nên không có giá trị pháp lý. Thời gian chung sống, bà Q và ông D xác định ông, bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm không thể khắc phục được, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, bà Q yêu cầu ly hôn, ông D đồng ý ly hôn. Xét mâu thuẫn thực tế của bà Q và ông D là có xảy ra, đời sống vợ chồng của ông, bà hiện tại không còn nên mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời bà Q và ông D không đăng ký kết hôn nên không được công nhận là vợ, chồng.

[3] Về con chung: Bà Q và ông D xác định ông, bà có 03 người con chung là Đặng Thiên M, sinh ngày 12/10/1992; Đặng Thanh D1, sinh ngày 06/10/1999 và Đặng Thiên P, sinh ngày 01/9/2002. Đặng Thiên M và Đặng Thanh D1 đã trưởng thành, bà Q và ông D không đặt ra yêu cầu nuôi dưỡng. Đặng Thiên P chưa thành niên, bà Q và ông D thỏa thuận thống nhất giao Đặng Thiên P cho bà Q trực tiếp nuôi

dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Xét sự thỏa thuận của bà Q và ông D là tự nguyện, hợp pháp và phù hợp với nguyện vọng của cháu Đặng Thiên P nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Bà Q và ông D xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Q và ông D xác định ông, bà không có nợ chung. Không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà Q là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Bà Q và ông D có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1 - Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Ngô Thị Q và ông Đặng Thiên D.

2 - Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Q và ông D về việc giao con chung của ông, bà tên Đặng Thiên P, sinh ngày 01/9/2002 cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Ông D không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3 - Về tài sản chung: Bà Q và ông D xác định không có tài sản chung, không yêu cầu nên không xem xét.

4 - Về nợ chung: Bà Q và ông D xác định ông, bà không có nợ chung. Không ai yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

5 - Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà Ngô Thị Q phải chịu 300.000đ. Ngày 09/6/2020 bà Q đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C (biên lai số 0001960) được đối trừ chuyển thu nộp ngân sách Nhà nước.

6 - Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố C;
- THADS thành phố C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Ngọc Hân